

Số: 12510/BTC-ĐT
V/v cung cấp thông tin phục vụ
đại biểu Quốc hội

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2019

Kính gửi: Tổng Thư ký Quốc hội khóa XIV.

Bộ Tài chính nhận được công văn số 3101/TTKQH-TV ngày 11/10/2019 của Tổng Thư ký Quốc hội khóa XIV về việc cung cấp thông tin phục vụ đại biểu Quốc hội. Về việc này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

I. Về tình hình phát hành trái phiếu Chính phủ năm 2018 và 09 tháng đầu năm 2019

1. Về căn cứ pháp lý

Theo quy định của pháp luật thì phát hành trái phiếu Chính phủ là một hình thức vay của Chính phủ cho mục đích để bù đắp bội chi và trả nợ gốc; tổng mức vay do Quốc hội quyết định hàng năm. Đồng thời Nghị quyết của Quốc hội giao Chính phủ khi phát hành trái phiếu Chính phủ phải gắn với tái cơ cấu nợ công. Cụ thể như sau:

- Luật Ngân sách nhà nước (Khoản 4 Điều 5) quy định tổng mức vay của ngân sách nhà nước gồm vay để bù đắp bội chi và vay để trả nợ gốc; Luật Quản lý nợ công (Điều 25) quy định mục đích vay của Chính phủ để bù đắp bội chi, chi trả nợ gốc đến hạn, cơ cấu lại các khoản nợ của Chính phủ.

- Tại Nghị quyết số 25/2016/QH14 ngày 9/11/2016 về kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia 2016 - 2020, Quốc hội đã định hướng *cơ cấu lại các khoản nợ công, giảm tỷ trọng nợ nước ngoài, tăng tỷ trọng nợ trong nước. Xây dựng thị trường trái phiếu, hạn chế phát hành trái phiếu quốc tế, giữ kỳ hạn trái phiếu Chính phủ trên 5 năm là chủ yếu, nâng kỳ hạn trung bình trái phiếu Chính phủ phát hành trong giai đoạn 2016-2020 lên khoảng 6-8 năm; Huy động trái phiếu Chính phủ bảo đảm tỷ lệ phát hành trái phiếu Chính phủ có thời hạn từ 5 năm trở lên tối thiểu 70% tổng khối lượng trái phiếu Chính phủ phát hành, để đáp ứng nhiệm vụ huy động cho ngân sách, đồng thời bảo đảm mục tiêu kéo dài kỳ hạn danh mục nợ và quản lý được rủi ro.*

- Đối với năm 2018, tại Nghị quyết số 49/2017/QH14 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, Quốc hội đã phê duyệt tổng mức vay của ngân sách nhà nước là 363.284 tỷ đồng, trong đó để bù đắp bội chi ngân sách trung ương là 195.000 tỷ đồng, để trả nợ gốc của ngân sách trung ương là 146.770 tỷ đồng. Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 437/QĐ-TTg

ngày 21/4/2018 về kế hoạch vay, trả nợ của Chính phủ năm 2018, trong đó phê duyệt kế hoạch vay cho cân đối ngân sách trung ương là 341.770 tỷ đồng, bao gồm 275.970 tỷ đồng vay trong nước.

- Đối với năm 2019, tại Nghị quyết số 70/2018/QH14 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, Quốc hội đã phê duyệt tổng mức vay của NSNN là 425.252 tỷ đồng, trong đó để bù đắp bội chi ngân sách trung ương là 209.500 tỷ đồng, để trả nợ gốc của ngân sách trung ương là 181.971 tỷ đồng phát hành trái phiếu Chính phủ nhận nợ Bảo hiểm Xã hội Việt Nam 7.000 tỷ đồng. Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 952/QĐ-TTg ngày 29/7/2019 về kế hoạch vay, trả nợ công năm 2019, trong đó phê duyệt kế hoạch vay cho cân đối ngân sách trung ương là 398.471 tỷ đồng, bao gồm 333.804 tỷ đồng vay trong nước.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát hành trái phiếu Chính phủ

2.1. Đối với năm 2018:

Căn cứ Nghị quyết số 49/2017/QH14 của Quốc hội và Quyết định số 437/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã giao nhiệm vụ huy động vốn trong nước thông qua phát hành trái phiếu Chính phủ cho Kho bạc Nhà nước là 275.970 tỷ đồng.

Trong quá trình thực hiện, trên cơ sở đánh giá tình hình thị trường và khả năng huy động vốn, tiến độ giải ngân vốn đầu tư và tình hình tồn ngân quỹ nhà nước, Bộ Tài chính đã cân đối lại nhu cầu vay của ngân sách trung ương và sử dụng một phần ngân quỹ nhà nước cho ngân sách trung ương vay để giảm kế hoạch phát hành trái phiếu Chính phủ 55.000 tỷ đồng xuống còn 220.970 tỷ đồng, tập trung phát hành kỳ hạn dài để tái cơ cấu danh mục trái phiếu Chính phủ.

Cụ thể kết quả phát hành trái phiếu Chính phủ năm 2018 như sau:

- Về khối lượng: Tổng khối lượng trái phiếu Chính phủ huy động năm 2018 là 196.797 tỷ đồng (đạt 71% kế hoạch dự kiến đầu năm là 275.970 tỷ đồng và 89% kế hoạch điều chỉnh là 220.970 tỷ đồng).

- Về kỳ hạn phát hành: Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị¹ về giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước và quản lý nợ công, trong năm 2018, Bộ Tài chính tập trung phát hành trái phiếu Chính phủ kỳ hạn từ 5 năm trở lên. Kết quả, 100% khối lượng phát hành từ 5 năm (vượt mục tiêu do Quốc hội đề ra là 70% khối lượng phát hành có kỳ hạn từ 5 năm trở lên), trong đó 90% khối lượng phát hành có kỳ hạn từ 10 năm trở lên, kéo dài kỳ hạn phát hành trái phiếu Chính phủ bình quân lên mức 12,69 năm góp phần kéo dài kỳ hạn còn lại bình quân của danh mục nợ trái phiếu Chính phủ là 6,83 năm (tăng 4,99 năm so với mức 1,84 năm của năm 2011, tăng 0,12 năm so với mức 6,71 năm của năm 2017).

¹ Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững

- Về lãi suất phát hành: Lãi suất phát hành trái phiếu Chính phủ giảm ở tất cả các kỳ hạn, giúp tiết kiệm chi phí huy động cho ngân sách nhà nước. Lãi suất phát hành bình quân năm 2018 là 4,71%/năm (giảm 7,29%/năm so với mức 12%/năm của năm 2011; giảm 1,27%/năm so với mức 5,98%/năm của năm 2017). Lãi suất phát hành trái phiếu Chính phủ của Việt Nam ở mức thấp so với một số nước trong khu vực (lãi suất phát hành bình quân trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm của Việt Nam năm 2018 ở mức 4,7%/năm, trong khi lãi suất trên thị trường Philippine, Indonesia và Ấn Độ tương ứng là 7,15%/năm, 7,98%/năm và 7,29%/năm).

2.2. Đối với 9 tháng đầu năm 2019:

Căn cứ Nghị quyết 70/2018/QH14 của Quốc hội và Quyết định số 952/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính giao Kho bạc Nhà nước phát hành 307.000 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ, trong đó có 7.000 tỷ đồng để nhận nợ với BHXH khoản đóng góp BHXH cho người lao động làm việc trước năm 1995 theo Nghị quyết số 64/2018/QH14 ngày 15/6/2018 của Quốc hội.

Cụ thể kết quả phát hành trái phiếu Chính phủ trong 9 tháng đầu năm 2019 như sau:

- Về khối lượng phát hành: Tổng khối lượng trái phiếu Chính phủ phát hành 9 tháng đầu năm là 160.991,5 tỷ đồng.

- Về kỳ hạn phát hành: Kỳ hạn phát hành bình quân trái phiếu Chính phủ 9 tháng đầu năm 2019 đạt 13,49 năm (tăng 0,8 năm so với năm 2018); kỳ hạn danh mục trái phiếu Chính phủ bình quân 9 tháng đầu năm 2019 đạt 7,33 năm (tăng 0,5 năm so với năm 2018), cao hơn mục tiêu đặt ra 6-7 năm đến năm 2020 tại Quyết định số 1191/QĐ-TTg ngày 14/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Lộ trình phát triển thị trường trái phiếu giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Về lãi suất phát hành: Lãi suất phát hành trái phiếu Chính phủ 9 tháng đầu 2019 là 4,71%/năm (tăng 0.11%/năm so với năm 2018 do kỳ hạn phát hành bình quân tăng 0,8 năm).

3. Đối với nhà đầu tư mua trái phiếu Chính phủ

- Theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2019 của Chính phủ quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán, đối tượng mua trái phiếu Chính phủ là các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Hiện nay Bộ Tài chính phát hành trái phiếu Chính phủ chỉ theo phương thức đấu thầu, đối tượng tham gia trực tiếp các phiên đấu thầu phát hành trái phiếu Chính phủ là các nhà tạo lập thị trường được lựa chọn theo quy định tại Nghị định số 95/2018/NĐ-CP (danh sách nhà tạo lập thị trường hiện nay gồm có 12 ngân hàng thương mại và 03 công ty chứng khoán). Các nhà đầu tư mua trái phiếu Chính phủ thông qua các nhà tạo lập thị trường. Đồng thời, hoạt động mua bán được diễn ra liên tục trên thị trường thứ cấp theo nhu cầu của các nhà đầu tư.

- Đa dạng hoá cơ sở nhà đầu tư, giảm sự phụ thuộc vào các tổ chức tín

dụng, Bộ Tài chính đã thực hiện các giải pháp (i) phát hành đều đặn trái phiếu Chính phủ kỳ hạn dài từ 10 năm trở lên cho các nhà đầu tư dài hạn (ii) đổi mới hoạt động đầu tư của Bảo hiểm xã hội theo hướng chuyên nghiệp, (iii) thu hút sự tham gia của các nhà đầu tư nước ngoài. Qua theo dõi từ nhiều năm nay đối tượng mua bán, nắm giữ trái phiếu Chính phủ là nhà đầu tư có tổ chức, các cá nhân không mua trái phiếu Chính phủ do kỳ hạn dài, lãi suất thấp hơn lãi suất tiền gửi tại các ngân hàng thương mại. Cơ cấu nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu Chính phủ tại thời điểm cuối năm 2018 và cuối tháng 9/2019 theo nhóm các nhà đầu tư như sau:

Nhà đầu tư	31/12/2018	30/09/2019
Các ngân hàng thương mại	47,8%	44%
Khối bảo hiểm (gồm Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm tiền gửi, doanh nghiệp bảo hiểm)	50,7%	54%
Nhà đầu tư nước ngoài	0,6%	0,8%
Nhà đầu tư khác	0,9%	1,1%

Theo đó, cơ cấu nhà đầu tư trên thị trường có sự thay đổi tích cực, đến cuối tháng 9 năm 2019, tỷ lệ nắm giữ trái phiếu Chính phủ của các ngân hàng thương mại ở mức 44% (giảm 3,8% so với cuối năm 2018, giảm 35,7% so với cuối năm 2014), tỷ lệ nắm giữ trái phiếu của nhà đầu tư dài hạn là 56% (tăng 3,8% so với cuối năm 2018; tăng 35,7% so với cuối năm 2014), trên thị trường đã có sự tham gia của nhà đầu tư 100% vốn nước ngoài, đến cuối tháng 9/2019, nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ khoảng 12.000 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ, gấp khoảng 2,2 lần so với năm 2014. Ngoài ra, hiện nay có khoảng 104 tỷ đồng công trái, trái phiếu Chính phủ được phát hành riêng lẻ qua hệ thống kho bạc từ trước năm 2011 đang được KBNN theo dõi để thanh toán cho các chủ sở hữu công trái, trái phiếu Chính phủ khi đến hạn.

II. Tình hình giải ngân vốn trái phiếu Chính phủ đã phát hành năm 2018 và 09 tháng đầu năm 2019 và quản lý vốn trái phiếu Chính phủ chưa giải ngân

Theo quy định của Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13, từ năm 2017, vốn trái phiếu Chính phủ là nguồn vốn nằm trong cân đối ngân sách nhà nước, được theo dõi, quản lý theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn, không yêu cầu theo dõi riêng đối với việc phát hành và sử dụng vốn cho các dự án, công trình sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ.

Theo quy định của Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14, Bộ Tài chính phát hành trái phiếu Chính phủ với các mục đích: (i) bù đắp bội chi ngân sách trung ương (bao gồm cả các công trình, dự án thuộc danh mục sử dụng vốn trái phiếu Chính) và (ii) chi trả nợ gốc đến hạn, cơ cấu lại các khoản nợ của Chính phủ theo Nghị quyết của Quốc hội về dự toán hàng năm và Kế hoạch vay, trả nợ hàng năm của Chính phủ.

Tiền thu về từ phát hành trái phiếu Chính phủ được hạch toán thu vay ngân sách trung ương, tập trung tại tài khoản Kho bạc Nhà nước mở tại Ngân hàng Nhà

nước và được Bộ Tài chính sử dụng cho cân đối ngân sách trung ương bao gồm: (i) chi trả nợ gốc và (ii) chi đầu tư các chương trình, dự án theo Nghị quyết dự toán ngân sách nhà nước hàng năm (bao gồm cả công trình, dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ).

Trong quá trình huy động vốn, Bộ Tài chính đã bám sát tình hình thu, chi ngân sách trung ương để điều chỉnh khối lượng huy động trái phiếu Chính phủ, vừa đảm bảo tình hình chi của ngân sách nhà nước vừa đảm bảo tính liên tục và thanh khoản của thị trường trái phiếu Chính phủ.

Theo quy định tại Nghị định số 163/2016/NĐ-CP² và Nghị định số 24/2016/NĐ-CP³, thu ngân sách trung ương (gồm các khoản thu lớn như thu thuế, thu vay nợ) là một phần hình thành ngân quỹ nhà nước⁴. Ngân quỹ nhà nước được sử dụng để đảm bảo đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu thanh toán, chi trả của ngân sách nhà nước, các đơn vị giao dịch với Kho bạc Nhà nước và các nghĩa vụ nợ của Chính phủ. Trường hợp tồn ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi, Bộ Tài chính (Kho bạc nhà nước) được sử dụng ngân quỹ nhà nước theo thứ tự ưu tiên sau: (i) tạm ứng cho ngân sách trung ương; (ii) tạm ứng cho ngân sách cấp tỉnh; (iii) gửi có kỳ hạn các khoản ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi tại các ngân hàng thương mại có độ an toàn cao theo xếp hạng của Ngân hàng Nhà nước và (iv) mua lại có kỳ hạn trái phiếu Chính phủ. Không có quy định cho phép Bộ Tài chính (Kho bạc Nhà nước) sử dụng ngân quỹ nhà nước cho cá nhân vay.

III. Tình hình giải ngân vốn trái phiếu Chính phủ của các dự án, công trình đầu tư thuộc danh mục sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ

1. Đối với năm 2018

Theo Nghị quyết số 49/2017/QH14 ngày 13/11/2017 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, tổng mức phát hành trái phiếu Chính phủ năm 2018 không quá 50.000 tỷ đồng, bao gồm cả số chuyển nguồn trái phiếu Chính phủ sang năm 2018 (nếu có) để đầu tư cho các dự án đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

Theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các văn bản của Bộ Tài chính⁵, tính đến hết ngày 31/12/2018, tổng kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2018 được giao chi tiết cho các Bộ, ngành và địa phương là 49.733,914 tỷ đồng, bằng 99,4% kế hoạch vốn do Quốc hội giao.

² Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước

³ Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 5/6/2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ

⁴ NQNN được hình thành từ nguồn ngân sách các cấp, tiền gửi của các quỹ tài chính nhà nước và tiền gửi của các đơn vị, tổ chức kinh tế gửi tại KBNN.

⁵ Gồm các Quyết định: Quyết định số 2131/QĐ-TTg ngày 29/12/2017 và số 1972/QĐ-BKHĐT ngày 29/12/2017 (41.925,42 tỷ đồng); Quyết định số 794/QĐ-TTg ngày 28/6/2018 và số 963/QĐ-BKHĐT ngày 28/6/2018 (1.496,895 tỷ đồng); Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 08/3/2018 và các văn bản: số 6048/VPCP-KTTH ngày 26/6/2018; số 8704, 8705, 8706, 8707/BTC-ĐT ngày 23/7/2018 (686,424 tỷ đồng); Quyết định số 1680/QĐ-TTg ngày 04/12/2018 và 1813/QĐ-BKHĐT ngày 06/12/2018 (5.498,044 tỷ đồng). Quyết định số 2105/QĐ-BKHĐT ngày 30/12/2018 (127,131 tỷ đồng).

Lũy kế đến hết ngày 30/9/2019, tổng số vốn đã thanh toán là 31.233,954 tỷ đồng, bằng 62,8% kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2018 được giao.

(Chi tiết theo Phụ lục số 01 và 02 đính kèm)

2. Đối với năm 2019

Theo Nghị quyết số 70/2018/QH14 ngày 09/11/2017 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, tổng mức phát hành trái phiếu Chính phủ năm 2018 không quá 40.000 tỷ đồng để đầu tư cho các dự án đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

Theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các văn bản của Bộ Tài chính⁶, tính đến hết ngày 30/9/2019, tổng kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2019 được giao chi tiết cho các Bộ, ngành và địa phương là 35.734,319 tỷ đồng, bằng 89,3% kế hoạch vốn do Quốc hội giao.

Lũy kế đến hết ngày 30/9/2019, tổng số vốn đã thanh toán là 9.309,386 tỷ đồng, bằng 23,3% kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2019 được giao.

(Chi tiết theo Phụ lục số 02 đính kèm)

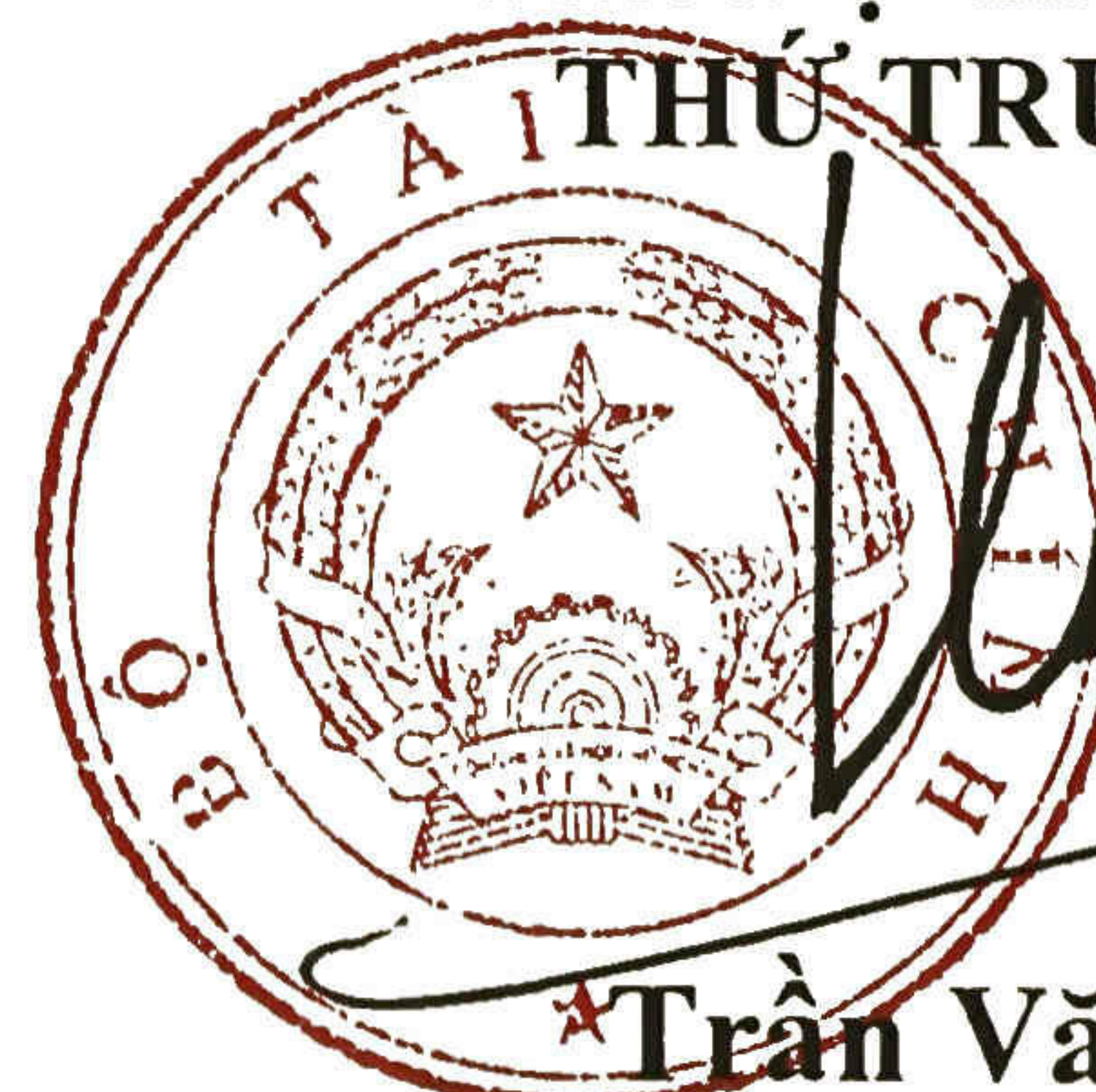
Bộ Tài chính xin tổng hợp, báo cáo Tổng Thư ký Quốc hội khóa XIV./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Vụ: NSNN, TCNH, I, KBNN;
- Lưu: VT, ĐT (5).

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Trần Văn Hiếu

⁶ Gồm các Quyết định: Quyết định số 1897/QĐ-TTg ngày 31/12/2018 và số 768/QĐ-TTg ngày 21/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 2118/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2018 và số 896/QĐ-BKHĐT ngày 21/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

TÌNH HÌNH THANH TOÁN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2018 - NGUỒN VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ
(Kèm theo văn bản số 12521/BTC-ĐT ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Bộ Tài chính)

Đơn v: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2018	Thanh toán đến 31/01/2019
1	2	3	4
	TỔNG SỐ (I+II)	49.733.914	24.773.132
I	DỰ ÁN DO BỘ QUẢN LÝ	15.863.456	11.269.065
	Bộ Giao thông vận tải (giao thông)	3.142.456	2.161.364
	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao đường sắt chuyên dùng của nhà máy xi măng Bỉm Sơn với quốc lộ 1, tỉnh Thanh Hóa	14.000	3.735
	7570704 - GPMB XD cầu vượt đường sắt chuyên dùng NM xi măng Bỉm Sơn	-	-
	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường D4 thuộc khu kinh tế Đông Nam, tỉnh Nghệ An với Quốc lộ 1 cũ và đường sắt Bắc Nam, kết nối với Quốc lộ 1 mới tại Km 439+900, tỉnh Nghệ An	20.374	14.348
	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường D4 thuộc khu kinh tế Đông Nam, tỉnh Nghệ An với Quốc lộ 1 cũ và đường sắt Bắc Nam, kết nối với Quốc lộ 1 mới tại Km 439+900, tỉnh Nghệ An	626	618
	Đầu tư đoạn Chợ Mới - Chợ Chu thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chợ Mới - Ngã ba Trung Sơn, tỉnh Tuyên Quang	85.449	70.006
	7564707 - DA DHCM Cho moi cho chu nga ba trung son tỉnh tuyen quang	48.345	27.893
	Dự án đầu tư xây dựng cầu Bình Ca (bao gồm đường dẫn đầu cầu từ ngã ba Phú Thịnh đến Km124+500 quốc lộ 2) thuộc đường Hồ Chí Minh	-	0
	- TDA2: Đầu tư xây dựng đường dẫn hai đầu cầu Bình Ca từ Km0 - Km4+329,7 và từ Km8+678 -Km12+291,37 (Km124+500 QL2)	64.309	39.375
	Cầu Bình Ca	1.252	831
	TDA1: ĐTXD cầu Bình Ca	-	0
	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Hồ Chí Minh đoạn tránh trung tâm huyện Ngân Sơn và thị trấn Nà Phặc, tỉnh Bắc Kạn	109.047	0
	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Hồ Chí Minh đoạn tránh trung tâm huyện Ngân Sơn và thị trấn Nà Phặc, tỉnh Bắc Kạn	6.000	4.612
	Dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chợ Thành - Đức Hòa, thuộc các tỉnh Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh và Long An	79.128	79.128
	Dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chợ Thành - Đức Hòa, thuộc các tỉnh Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh và Long An	1.037	1.037
	Dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Năm Căn - Đất Mũi, tỉnh Cà Mau	45.100	45.100
	Dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Năm Căn - Đất Mũi, tỉnh Cà Mau	-	-
	Dự án đầu tư xây dựng công trình tuyến tránh QL1A đoạn qua Đèo Con, tỉnh Hà Tĩnh	98.040	83.123
	7640035 - Tiểu DA BT GPMB tái định cư DA ĐTXD CT Tuyến đường tránh QL 1A đoạn đèo Con tỉnh HT QB	19.985	8.194

1	2	3	4
	7642545 - Đầu tư XD tuyến tránh QL1A đoạn qua Đèo Con - HT	1.975	282
	Dự án đầu tư xây dựng tuyến tránh trung tâm thị trấn Ea Drăng, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk	242.500	144.151
	Dự án đầu tư xây dựng tuyến tránh trung tâm thị trấn Ea Drăng, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk	57.500	56.740
	Xây dựng cầu, đường hai đầu cầu Đắk Bla mới và vượt nối với các đường hiện hữu thuộc dự án tuyến tránh thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	150.000	150.000
	Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1 đoạn qua thành phố Tân An, tỉnh Long An	280.000	199.338
	Dự án đường Hồ Chí Minh đoạn tránh Chư Sê, tỉnh Gia Lai	151.865	151.865
	Dự án đường Hồ Chí Minh đoạn tránh Chư Sê, tỉnh Gia Lai	28.135	28.135
	Dự án đầu tư xây dựng thêm một đơn nguyên cầu vượt tại nút giao giữa quốc lộ 1 và đường Nghi Sơn - Bãi Trành,	140.000	75.944
	Dự án xây dựng 02 cầu vượt trên quốc lộ 1 tại các nút giao với quốc lộ 1C và nút giao Ngã ba Thành, tỉnh Khánh Hòa	48.863	13.103
	Dự án xây dựng 02 cầu vượt trên quốc lộ 1 tại các nút giao với quốc lộ 1C và nút giao Ngã ba Thành, tỉnh Khánh Hòa	111.314	85.992
	Dự án nâng cao độ và mở rộng tuyến tránh thủy điện Plei Krông trên tuyến đường Hồ Chí Minh đoạn Tân Cảnh - Kon Tum, tỉnh Kon Tum	42.400	41.621
	Đầu tư xây dựng công trình đường kết nối đường Hồ Chí Minh và Quốc lộ 12B đi Quốc lộ 1, tỉnh Hòa Bình	100.000	100.000
	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 8 đoạn nối Quốc lộ 1 cũ với Quốc lộ 1 mới, tỉnh Hà Tĩnh	41.527	41.527
	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 8 đoạn nối Quốc lộ 1 cũ với Quốc lộ 1 mới, tỉnh Hà Tĩnh	23.347	22.877
	Tuyến nối Quốc lộ 1A đi thị xã Cửa Lò đoạn Quán Hành - Chợ Sơn, huyện Nghi Lộc (QL48E), tỉnh Nghệ An	85.000	44.046
	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 15B đoạn Ngã ba Đồng Lộc - Quốc lộ 1, tỉnh Hà Tĩnh	51.150	34.081
	Tiểu DA GPMB TĐC Huyện Thạch Hà	-	-
	Tiểu DA GPMB TĐC Huyện Can Lộc	-	-
	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường nối từ Quốc lộ 1 đến đường Hồ Chí Minh nhánh Đông	150.000	149.451
	Xây dựng cầu Đà Rằng thuộc dự án đầu tư xây dựng cầu Đà Rằng, cầu Sông Chùa trên Quốc lộ 1 cũ, tỉnh Phú Yên	252.843	127.488
	Xây dựng cầu Đà Rằng thuộc dự án đầu tư xây dựng cầu Đà Rằng, cầu Sông Chùa trên Quốc lộ 1 cũ, tỉnh Phú Yên	804	116
	Đường kết nối giữa Quốc lộ 1 cũ và Quốc lộ 1 mới tại Km1145+540 trên địa bàn thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	70.000	70.000
	Dự án ĐTXD công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường tỉnh lộ 534 với đường sắt Bắc Nam, Quốc lộ 1 và kết nối với đường tránh TP Vinh, NGHỆ AN	-	-
	Dự án ĐTXD công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường tỉnh lộ 534 với đường sắt Bắc Nam, Quốc lộ 1 và kết nối với đường tránh TP Vinh, NGHỆ AN	-	-
	Dự án ĐTXD công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường tỉnh lộ 534 với đường sắt Bắc Nam, Quốc lộ 1 và kết nối với đường tránh TP Vinh, NGHỆ AN	-	-
	7579315 - ĐTXD 01 nguyên đơn bên phải cầu Gián Khẩu	-	-
	7579315 - ĐTXD 01 nguyên đơn bên phải cầu Gián Khẩu	-	-

1	2	3	4
	Nâng cấp mở rộng QL1A, đoạn bắc TP Hà Tĩnh (Km 504+400 -509+700) và Nam TP (Km 514+800-Km 517+950) KB Thạch Hà	-	-
	GPMB quốc lộ 1A	-	-
	7562281 - Dự án đầu tư xây dựng mở rộng QL đoạn Km 1027-Km 1045+780 Tỉnh Quảng Ngãi	-	-
	227574983 - Đường HCM_ Đoạn tuyến tránh đô thị Pleiku, Gia Lai	-	-
	DA ĐT XD Đg HCM đoạn tuyến tránh phía tây TX Buôn Hồ Đ	-	-
	Dự án đầu tư cải tạo đường HCM đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng nối với đường Lê Duẩn, TP Buôn Ma Thuột	-	-
	DA đầu tư nâng cấp, mở rộng QL14, đoạn qua TX Đồng Xoài (Km 113+779,42 - Km 122+230,26), tỉnh Bình Phước	-	-
	7561569 - DA HCM DTXD QL 12b Tam điệp nho quan - Ninh Bình	-	-
	7561569 - DA HCM DTXD QL 12b Tam điệp nho quan - Ninh Bình	-	-
	7563926 - XDCT cầu vượt tại nút GT tuyến đường Bim Sơn Phố Cát Thạch Quảng và QL1A	-	-
	120122154 - Tuyến kết nối đường cao tốc Pháp Vân - cầu Giẽ - Ninh Bình với Quốc lộ 1A	-	-
	Tiểu dự án GPMB Huyện Yên Mô	-	-
	Tiểu dự án GPMB Huyện Hoa Lư	-	-
	Tiểu dự án GPMB Huyện Yên Khánh	-	-
	ĐTXD công trình tuyến tránh QL 1 đoạn qua TX Quảng Trị (hạng mục Cầu Thành Cổ và đường dẫn)	-	-
	ĐTXD công trình tuyến tránh QL 1 đoạn qua TX Quảng Trị (hạng mục Cầu Thành Cổ và đường dẫn)	-	-
	ĐTXD công trình tuyến tránh QL 1 đoạn qua TX Quảng Trị (hạng mục Cầu Thành Cổ và đường dẫn)	-	-
	ĐTXD công trình tuyến tránh QL 1 đoạn qua TX Quảng Trị (hạng mục Cầu Thành Cổ và đường dẫn)	-	-
	DA mở rộng QL 1A đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi đoạn KM1051+845-km1055+280	39.410	39.410
	DA mở rộng QL 1A đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi đoạn KM1051+845-km1055+280	10.790	-
	7070366 - Luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào Sông Hậu	-	-
	Tuyến Nam sông Hậu	-	-
	QL 30 Cao lãnh Hồng Ngự	-	-
	QL 61 đoạn Cầu Cái Tư- Gò Quao	-	-
	7224853 - Nâng cấp quốc lộ 61 đoạn Cái Tư - Gò Quao - 7224853	-	-
	ĐT XD công trình mở rộng QL1đoạn Km848+875-Km890+200	-	-
	QL61 đoạn Gò Quao-Bến Nhất	-	-
	QL61 đoạn Gò Quao-Bến Nhất	-	-
	Ql 32C đoạn qua TP Việt Trì	-	-
	7042504 - Lập DADT điều chỉnh tuyến QL32C đoạn qua QL 2C Km 1-KM49+750	-	-
	QL 47 đoạn Km 0-31+260 Thanh Hóa	-	-
	Đường HCM-Tuyến chính(Bao gồm đờng vào trung tâm di sản văn hóa Phong Nha Kẻ Bàng, sân bay Khe Gát, thuê địa điểm làm việc, kiên cố hóa	-	-
	Sở giao dịch	-	-
	7022611 - Đường Hồ Chí Minh -gđ1 - tại KBNNTW	-	-
	Hà Nội	-	-
	Hòa Bình	-	-

1	2	3	4
	Nghệ An	-	-
	Quảng Bình	-	-
	Quảng Trị	-	-
	Quảng Nam	-	-
	Kon Tum	-	-
	Nghi Sơn Bãi Trành(bao gồm hạng mục tăng cường kết cấu mặt đường đoạn Km1+903,36-5+532 thuộc DA XD đường ngang nối cảng Nghi sơn với đường HCM	-	-
	Dự án mở rộng QL 1A đoạn tránh TP Ninh Bình(đường tỉnh ĐT 477 kéo dài)	-	-
	Tiểu dự án do Huyện Hoa Lư quản lý	-	-
	DA ĐTXD công trình nâng cấp, MR đoạn QL1A đoạn Nam tuyến tránh TP Hà Tĩnh-DATP 1 đoạn qua Hà Tĩnh	-	-
	DA ĐTXD công trình MR QL1 đoạn Km587+00-KM597+549, đoạn KM 605+00-KM 617+00 và đoạn KM 641+00-KM648+700 thuộc tỉnh Hà Tĩnh và tỉnh Quảng Bình	-	-
	DA ĐTXD công trình MR qL1 đoạn KM717+00-741+170, KM769+800-770+680 thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị	-	-
	Tiểu dự án GPMB huyện Vĩnh Linh	-	-
	Tiểu dự án GPMB huyện Gio Linh	-	-
	Tiểu dự án GPMB TX Quảng Trị	-	-
	Tiểu dự án GPMB QL1	-	-
	DA ĐTXD công trình mở rộng QL 1 đoạn KM 1153-1212+400 thuộc tỉnh Bình Định	-	-
	DA ĐTXD công trình mở rộng QL 1 đoạn KM 1153-1212+400 thuộc tỉnh Bình Định	-	-
	DA ĐTXD công trình mở rộng QL 1 đoạn Km1265-1353+300 tỉnh Phú Yên	-	-
	Tiểu DA GPMB thị xã Sông cầu, Tuy An, Đông Hòa	-	-
	7402938 - Đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1A đoạn Km 1365+000 đến Km 1353+300 qua huyện Tuy An	-	-
	7402938 - GPMB DAĐT XD CT Mở rộng QL1A đoạn Km1265+00-Km1353+300, thuộc địa phận PY (Đoạn từ Km1265+000-Km1294+690 địa phận thị xã Sông cầu)	-	-
	DA ĐTXD công trình mở rộng QL 1 đoạn KM 1445-1488 tỉnh Khánh Hòa	-	-
	DA ĐTXD công trình mở rộng QL 1 đoạn Km1589+300-1642+000 tỉnh Bình Thuận	-	-
	Tiểu DA GPMB	-	-
	Hầm Đèo Cả(BT hầm Cổ Mã, kinh phí GPMB	-	-
	DA ĐTXD hầm đường bộ Đèo Cả, Phú Yên và Khánh hòa	-	-
	Tiểu dự án GPMB và tái định cư	-	-
	Tiểu dự án GPMB và tái định cư	-	-
	Tiểu dự án GPMB đi qua huyện Đông Hòa	-	-
	GPMB công trình trạm thu phí Bàn Thạch	-	-
	DA ĐTNC mở rộng đường Hồ Chí Minh đoạn KM 1667+570-1738+148 tỉnh Đắk Lắk	-	-
	DA ĐTNC mở rộng đường Hồ Chí Minh đoạn KM 1667+570-1738+148 tỉnh Đắk Lắk	-	-
	NCMR đường HCM Đ/C đoạn Km1667+570-Km1738+148 QL14	-	-
	DA ĐTNC mở rộng đường Hồ Chí Minh đoạn Km 1824-1876, cầu Serepok Km1792+850-1793+600 tỉnh Đắk Lawk, Đắk Nông	-	-
	DTNC mở rộng đường Hồ Chí Minh đoạn Cây chanh cầu 38	-	-
	ĐTNC mở rộng đường Hồ Chí Minh đoạn Cây chanh cầu 38	-	-

1	2	3	4
	ĐTNC mở rộng đường Hồ Chí Minh đoạn Đồng Xoài-Chơn Thành	-	-
	ĐTNC mở rộng đường Hồ Chí Minh đoạn Đồng Xoài-Chơn Thành	-	-
	ĐTXD 14 cầu trên tuyến đoạn Đăk Nông, Bình Phước	-	-
	Hỗ trợ một phần Dự án ĐTXD dự án TP1 mở rộng QL1 đoạn Km947-987 tỉnh Quảng Nam theo hình thức hợp đồng BOT thuộc dự án ĐTXD công trình mở rộng QL 1 đoạn qua tỉnh Quảng Nam	-	-
	7444236 - DA thành phần 1: MR QL1 Km947 - 987 theo hình thức BOT	-	-
	DA đầu tư nâng cấp, mở rộng QL1D đoạn từ ngã ba Long Vân đến bến xe liên tỉnh, tỉnh Bình Định	-	-
	7121864 - Tiểu dự án bồi thường GPMB thuộc dự án Luồng cho tàu biển có tải trọng lớn vào sông hậu tỉnh TV	-	-
	Tuyến tránh TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum	250.000	18.893
	Mở rộng các cầu trên QL 1A, đoạn qua tỉnh Tiền Giang	55.000	49.279
	Đoạn Mai Sơn- QL45	24.673	22.942
	Đoạn QL45- Nghi Sơn	9.100	8.730
	Đoạn Nghi Sơn - Diễn Châu	6.000	5.094
	Đoạn Diễn Châu - Bãi Vọt	9.000	9.000
	Dự án ĐT xây cầu cửa Hội bắc qua sông Lam, tỉnh Nghệ An	20.000	20.000
	DA nâng cấp, MR tuyến đường nối QL1 đến đường cao tốc Đà Nẵng Quảng Ngãi(QL40B)	2.000	2.000
	Đoạn Cam Lộ - La Sơn	13.000	12.775
	Đoạn Nha Trang - Cam Lâm	8.974	7.034
	Đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo	18.200	18.200
	Đoạn Vĩnh Hảo - Phan Thiết	38.535	20.849
	Đoạn Phan Thiết - Dầu Giây	906	906
	Cầu Mỹ Thuận 2	13.753	11.470
	7285791 - Nâng cấp mở rộng QL1A, đoạn từ Km 571+950- Km 556+000	-	-
	7285791 - Dự án TP1 : Nâng cấp, mở rộng QL1A Tỉnh Hà Tĩnh (KA)	-	-
	Tiểu DA GPMB Bình Phước(Đường Hồ Chí Minh)	1.200	26
2	Bộ NN&PTNT (thủy lợi)	7.705.000	7.577.471
	7627829 - Hồ chứa nước Cánh Tạng, tỉnh Hòa Bình - Ban 1	27.000	27.000
	7627833 - Hệ thống thủy lợi Nà Sản, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La - Ban 1	30.000	30.000
	7627834 - Nâng cấp đê, kè hữu sông Hồng từ K26+580 đến K32+000 và từ K40+350 đến K47+980, thành phố Hà Nội	70.000	70.000
	7628544 - Sửa chữa nâng cấp hệ thống thủy nông Đa Độ	100.000	100.000
	7624754 - Dự án sửa chữa nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Nam Hà	80.000	73.000
	Hồ chứa nước Bản Lải	560.000	560.000
	7642166 - Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải	187.000	187.000
	7027540 - Dự án Thủy lợi Bắc Bến Tre	140.000	140.000
	7176331 - HT Thủy lợi Bắc Bến Tre - BQLĐT & XD TL 10	180.000	180.000
	7642449 - Hệ thống Thủy lợi Nam Bến Tre	80.000	80.000
	Kênh Mây Phốp - Ngã Hậu (Ban bồi thường, tái định cư huyện Vũng Liêm)	75.000	74.692
	7643016 - ĐT- XD Hệ thống thủy lợi tiểu vùng II, III, V Cà Mau	50.000	47.156
	7001999 - Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình: Nạo vét kênh Mây Phốp - Ngã Hậu tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh	5.000	5.000
	Trạm bơm Tri Phương II, tỉnh Bắc Ninh	140.000	114.895
	7636310 - Hồ chứa nước Ngòi Giành Tỉnh Phú Thọ	269.000	269.000

1	2	3	4
	120170100 - Xây dựng tuyến đê biển Bình Minh 4 huyện Kim Sơn tỉnh Ninh Bình	20.000	10.000
	7641988 - Tiêu úng vùng III huyện Nông Cống	60.500	60.500
	7641988 - Tiêu úng vùng III huyện Nông Cống	39.500	39.500
	Hồ Bản Mòng (Ban QLĐT&XDTL 4)	345.000	345.000
	Hồ Bản Mòng (Hợp phần đền bù, tái định cư)	82.000	82.000
	Công trình hồ chứa nước Ngàn trươi	34.856	34.856
	Hệ thống kênh mương dự án thủy lợi ngàn trươi- Cẩm trang GD I	5.144	5.144
	Hệ thống kênh mương dự án thủy lợi ngàn trươi- Cẩm trang GD II	170.000	170.000
	7642969 - Hệ thống thủy lợi Rào Nan, tỉnh Quảng Bình	50.000	50.000
	7469821 - Xây dựng cống Tha La, cống Trà Sư	50.000	50.000
	7631135 - Hệ thống thủy lợi Trạm bơm cống Xuân Hòa, TG	55.000	55.000
	120172020 - Cống âu thuyền Ninh Quới, tỉnh Bạc Liêu - Ban 10	105.000	105.000
	120172021 - Hệ thống thủy lợi trạm bơm cống Xuân Hòa, tỉnh Tiền Giang	45.000	45.000
	120172022 - Hệ thống thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé (giai đoạn 1)	3.000	3.000
	120172023 - Nạp vét kênh Mây Phốp - Ngã Hậu tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh - Ban 10)	117.000	117.000
	7631134 - Cống âu thuyền Ninh Quới, tỉnh Bạc Liêu	22.000	22.000
	Hệ thống thủy lợi Tà Pao (Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Thuận(120140016))	79.000	79.000
	Hệ thống thủy lợi Tà Pao (Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bình Thuận(120140015))	35.000	35.000
	Hồ chứa nước Sông Lũy (Ban 7)	230.000	230.000
	Hồ chứa nước Sông Lũy (UBND huyện Bắc Bình)	210.000	210.000
	Cụm công trình thủy lợi vùng cao biên giới tỉnh Bình Phước	90.000	90.000
	120150024 - Sửa chữa nâng cấp kênh chính Tây thuộc HT TL Dầu Tiếng	70.000	70.000
	7133344 - Hồ chứa nước Sông Chò I	270.000	263.760
	Nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi Thạch Nham	150.000	150.000
	220180004 - Hợp phần_ Kênh và công trình trên kênh thuộc Hồ chứa nước Mỹ Lâm (Mã DA: 7040665)	18.500	17.683
	7042312 - HTTL Tân Mỹ	1.200.000	1.200.000
	Kè Sông Cầu đoạn qua thành phố Bắc Kạn	70.000	70.000
	Hồ chứa nước bản Lái (Sở NN&PTNT)	175.000	175.000
	Hệ thống thủy lợi Nà Sản (UBND huyện Mai Sơn)	11.000	11.000
	7642987 - Hồ chứa nước Đạ sị	166.000	94.936
	277645469 - Thủy lợi hồ chứa nước Ia Mor GD 2 (Ban đền bù Chư Prông)	103.000	98.852
	277645469 - Thủy lợi hồ chứa nước Ia Mor GD 2 (UBND huyện EaSup)	-	-
	7061273 - hồ chứa nước Không Pách Thượng	6.500	6.500
	581710010 -Công trình thủy lợi JA Mơ - giai đoạn 2(Ban QLĐT&XDTL8)	220.500	220.500
	7265809 - Hả chơa n-íc Eahleo 1 huyện Eahleo - Ban 8	190.000	190.000

1	2	3	4
	7265809 - Hồ chứa n-íc Eahleo 1 huyỖn Eahleo (UBND huyện)	60.000	60.000
	7626918 - Cụm công trình thủy lợi Ia HDrai, tỉnh Kon Tum	110.000	110.000
	Hồ chứa nước Nam Xuân, tỉnh Đak Nông	100.000	100.000
	Hồ xả dề phìn huyện Sìn Hồ	40.000	40.000
	Kè chống sạt lở bờ hữu Sông Hồng TP Lào Cai	100.000	100.000
	Hồ chứa nước Đồng Mít (Ban Thủy Lợi 6)	330.000	330.000
	Hồ chứa nước Đồng Mít (Ban QLDA Nông Nghiệp và PTNT)	200.000	200.000
	7627829 - Hồ chứa nước Cánh Tạng (UBND huyện Lạc Sơn)	12.000	11.997
	7040665 - Hồ chứa nước Mỹ Lâm	131.500	131.500
	7629506 - Đập ngăn mặn sông Hiếu	130.000	130.000
3	Bộ Quốc phòng (giao thông), trong đó:	3.061.000	1.153.339
	- <i>Cấp thẳng</i>	<i>84.000</i>	<i>84.000</i>
	- <i>Thanh toán qua KBNN</i>	<i>2.977.000</i>	<i>1.069.339</i>
	Đường Tuần tra biên giới	2.184.000	407.927
	Đường Trường Sơn Đông	877.000	759.190
4	Bộ Y tế (y tế)	1.955.000	376.891
	Xây dựng cơ sở II Bệnh viện Lão khoa TW	500.000	5.373
	Xây dựng bệnh viện chấn thương chỉnh hình TW Cần Thơ	450.000	27.790
	Xây dựng bệnh viện nội tiết TW TP HCM	550.000	162.337
	1200907 - Chuẩn bị đầu tư Trung Tâm Ung bướu Bệnh viện E	350.000	90.626
	1800056 - Bệnh viện bệnh nhiệt đới Trung ương giai đoạn 2 (đầu tư mua sắm trang thiết bị)	105.000	90.765
II	DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ:	33.870.458	13.504.067
01	Giao thông	19.960.437	9.474.918
02	Thủy lợi	3.526.930	1.355.740
03	Y tế	3.206.000	1.286.059
04	Giáo dục	2.677.091	1.387.349
06	Dự án quan trọng quốc gia	4.500.000	-
	Hải Phòng	720.000	417.820

1	2	3	4
1	Giao thông	720.000	417.820
	7689927 - Da ĐTXD tuyến đường bộ ven biển đoạn qua địa bàn TP Hải Phòng 09km trên địa bàn tỉnh Thái Bình (PPP)	720.000	417.820
*	Đà Nẵng	175.000	73.855
1	Giao thông	175.000	73.855
	7576905 - Tuyến đường vành đai phía Tây, QL14B đến đường HCM	175.000	73.855
*	Nam Định	577.080	577.080
1	Giao thông	577.080	577.080
	7507719 - XD đường trục PT KN vùng KTBNĐ với đường CTCGNB	577.080	577.080
*	Hà Nam	520.000	2.727
1	Giao thông	520.000	2.727
	7651955 - XD tuyến đường nối từ chùa Ba Sao đến chùa Bái Đính 7651955	520.000	2.727
*	Hải Dương	115.000	115.000
1	Giao thông	115.000	115.000
	7277885 - Công trình tuyến đường trục Bắc Nam	115.000	115.000
*	Hưng Yên	320.000	8.199
2	Thủy lợi	320.000	8.199
	7648809 - Nâng cấp đê tả sông Luộc KD (đoạn K120+600 đê tả SH đến K20+700 SL)	320.000	8.199
*	Thái Bình	250.000	154.871
1	Giao thông	250.000	154.871
	7567750 - Tuyến đường L.T nối đ. VĐ 5-QL 38B và cao tốc HN-HP	250.000	154.871
*	Long An	300.000	85.452
1	Giao thông	300.000	85.452
	7625641 - Đường Tân Tập - Long Hậu - QL 50 - Cảng Long An	300.000	85.452
*	Tiền Giang	527.560	71.778
3	Y tế	500.000	51.349
	7626268 - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tiền Giang	500.000	51.349
4	Giáo dục	27.560	20.429
	7670640 - 2018,Các dự án kiên cố hóa trường lớp học TX Gò Công	3.200	3.200
	7675867 - 2018,Các DA kiên cố hóa TH mẫu giáo, Tiểu học GCD	8.100	8.100
	7675884 - 2018,Các DA kiên cố hóa trường lớp học MG TH TPĐ	8.700	8.700
	7738194 - 2018,Trường mầm non Tân Thạnh	7.560	429
*	Bến Tre	770.000	250.492
1	Giao thông	731.300	211.792
	7286449 - ĐTXDCTXDCT ĐH 173 đoạn từ nghĩa trang LS huyện CT đến tượng đài TĐ 516 liên huyện CT-GT-BT	731.300	211.792
4	Giáo dục	38.700	38.700
	7644735 - Dự án đầu tư xây dựng công trình kiên cố hóa trường lớp học mẫu giáo, tiểu học huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre	17.730	17.730
	7644736 - Dự án đầu tư xây dựng công trình kiên cố hóa trường lớp học mẫu giáo, tiểu học huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre	20.970	20.970
*	Đồng Tháp	624.500	109.025
3	Y tế	600.000	87.051
	7637421 - Benh vien da khoa Dong Thap	600.000	87.051
4	Giáo dục	24.500	21.974
	Trường Tiểu học Tân Hội 1	2.000	2.000
	Trường Mẫu giáo Bình Thạnh	3.000	474
	Trường MN Sơn Ca	3.000	3.000

1	2	3	4
	Trường MN Hòa Mi	3.500	3.500
	Trường TH Bình Phú 1	1.500	1.500
	Trường TH Tân Hộ Cơ 2	1.500	1.500
	Trường MG Thông Bình	3.000	3.000
	Trường TH Thông Bình 1	2.000	2.000
	7634908 - Trường TH Thường Phước 1A	3.000	3.000
	7613882 - Trường TH Thường Phước 1B	2.000	2.000
*	Vĩnh Long	355.000	146.498
2	<i>Thủy lợi</i>	<i>348.700</i>	<i>140.198</i>
	7633049 - Đê bao sông Mang Thít (giai đoạn 2)	348.700	140.198
4	<i>Giáo dục</i>	<i>6.300</i>	<i>6.300</i>
*	An Giang	670.300	252.329
1	<i>Giao thông</i>	<i>610.000</i>	<i>194.676</i>
	7613608 - Nâng cấp tuyến đường LT nối từ H Châu Phú AG qua KV tứ giác Long Xuyên nối với H. Hòn Đất Kiên Giang (ĐT945)	610.000	194.676
4	<i>Giáo dục</i>	<i>60.300</i>	<i>57.654</i>
	7654867 - Trường Mẫu giáo Phú Lộc (điểm phụ)	1.440	1.440
	7654871 - Trường Mẫu giáo Vĩnh Xương (điểm phụ 2)	4.320	4.295
	7666995 - Trường Tiểu học An Nông	1.800	1.302
	7666997 - Trường Tiểu học A An Phú HM: 4 phòng học + thiết bị	1.800	1.351
	7667001 - Trường Tiểu học B An Phú	900	839
	7671497 - Trường MG Nhơn Hội (điểm chính) - HM: 04PH+TB	2.880	2.880
	7671498 - Trường MG Phú Hữu (HM: 04PH+TB)	2.880	2.880
	7671499 - Trường MG Quốc Thái (điểm phụ) - HM: 04PH	2.880	2.880
	7671500 - Trường MG Vĩnh Hội Đông (điểm phụ)	2.880	2.880
	7671501 - Trường TH "A" Nhơn Hội (điểm chính)	2.700	2.700
	7671502 - Trường TH "A" Nhơn Hội (điểm phụ)	900	900
	7671503 - Trường TH "A" Phú Hội	2.700	2.700
	7671504 - Trường TH "A" Phú Hữu - HM: 04PH+TB	1.800	1.800
	7671505 - Trường TH "B" Phú Hữu - HM: 04PH+TB	1.800	1.800
	7671506 - Trường TH "B" Vĩnh Hội Đông (điểm chính) - HM: 04PH+TB	1.800	1.800
	7671507 - Trường TH C" Phú Hội (điểm chính)	3.510	3.510
	7671509 - Trường TH "C" Phú Hội (điểm phụ 1) - HM: 03PH+TB	1.350	1.350
	7664322 - Trường tiểu học A Núi Tô (điểm Tô Thuận)	3.150	2.744
	7664323 - Trường tiểu học B Núi Tô (điểm chính)	900	805
	7664324 - Trường tiểu học Lạc Quới (điểm kênh T5)	2.250	1.801
	7664325 - Trường tiểu học lạc Quới (điểm chính)	1.800	1.371
	7664329 - Trường tiểu học B Núi Tô (Bờ kênh)	900	832
	7657705 - Trường mầm non Tuổi Ngọc	3.600	3.600
	7658177 - Trường mẫu giáo An Phú	1.440	1.306
	7658179 - Trường mẫu giáo An Nông	1.440	1.440
	7659842 - Trường mẫu giáo Văn Giáo	2.880	2.880
	7681511 - Trường Mẫu Giáo Phú Lộc (điểm chính)	1.440	1.408
	7681912 - Trường Mẫu giáo Vĩnh Xương (điểm phụ 1)	2.160	2.160
*	Kiên Giang	1.139.679	607.982
1	<i>Giao thông</i>	<i>84.679</i>	<i>4.075</i>
	7011222 - Đường trục xã Nam Thái A	11.290	-
	7126994 - Đường Dương Đông - Bãi Thơm PQ	57.631	-
	7159660 - Đường An Thới - Cửa Lấp	15.758	4.075
3	<i>Y tế</i>	<i>1.000.000</i>	<i>600.724</i>
	7420502 - Bệnh viện đa khoa Kiên Giang (1020 giường)	1.000.000	600.724
4	<i>Giáo dục</i>	<i>55.000</i>	<i>3.183</i>
	7626533 - Dự án ĐTXD các phòng học mầm non và tiểu học tỉnh Kiên Giang	55.000	3.183
*	Cần Thơ	845.437	174.727
1	<i>Giao thông</i>	<i>845.437</i>	<i>174.727</i>

1	2	3	4
	200002210 - Đường tỉnh 922 (Xây dựng và nâng cấp giai đoạn 1 từ QL 91B đến Cờ Đỏ)	845.437	174.727
*	Bạc Liêu	651.500	520.925
1	<i>Giao thông</i>	606.500	493.138
	7214295 - Dự án Đường Hộ Phòng- Gành Hào	606.500	493.138
4	<i>Giáo dục</i>	45.000	27.787
	7654575 - Các dự án thuộc Chương trình kiên cố hóa trường lớp mầm non, tiểu học	45.000	27.787
*	Cà Mau	432.000	423.061
1	<i>Giao thông</i>	376.700	376.700
	7618350 - Tuyến trục §«ng-T©y t©nh CM (QL1-Cửa bi©n GH) vµ cÇu q Tuyến đường trục Đông-Tây (từ QL1-cửa biển Gành Hào và cầu qua sông Cái Nai (Khu kinh tế Năm Căn)	376.700	376.700
4	<i>Giáo dục</i>	55.300	46.361
	7643370 - Trường Mẫu Giáo Tân Duyệt, xã Tân Duyệt huyện Đầm Dơi	7.100	6.450
	7643371 - Trường Tiểu học Ngọc Chánh, xã Ngọc Chánh, huyện Đầm Dơi	4.700	4.395
	7647327 - Trường Mẫu giáo Bông Hồng, xã Khánh Hội huyện U Minh	2.400	1.981
	7646866 - Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, xã Khánh Hòa, huyện U Minh	1.500	1.157
	7703737 - Trường tiểu học Đỗ Thừa Luông xã Khánh Thuật huyện U Minh	4.700	2.335
	7647908 - XD Trường Mẫu Giáo xã Tam Giang Tây HM:XD mới dãy 08 phòng học	6.800	3.656
	7647909 - XD Trường Tiểu học 3 xã Tam Giang Tây HM: SLMB và XD 08 phòng học	5.200	5.028
	7649234 - Trường tiểu học ấp 1, Vinh Hoa, xã T.Giang Đông HNC	1.800	1.536
	7649235 - Trường mẫu giáo bình Minh xa T.G. Đông H.NC	3.700	3.633
	7636658 - Truong TH Tan Nghiep B, Xa Tan Hai, huyen Phu Tan	5.400	5.400
	7649036 - Trường Mầm Non Tuổi Thơ Khánh Bình Tây Bắc	7.000	6.377
	7648993 - Trường Tiểu học Khánh Bình Tây Bắc	5.000	4.414
*	Trà Vinh	500.000	108.267
3	<i>Y tế</i>	432.000	78.684
	7638789 - Bệnh Viện đa khoa tỉnh Trà Vinh	432.000	78.684
4	<i>Giáo dục</i>	68.000	29.583
	7637026 - Dự án Kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	68.000	29.583
*	Sóc Trăng	560.910	252.473
1	<i>Giao thông</i>	515.000	207.009
	7634684 - Đầu tư tuyến đường trục PTKT từ TPST qua cầu Dù Tho đến vùng kinh tế trọng điểm tôm - lúa tỉnh Sóc Trăng	515.000	207.009
4	<i>Giáo dục</i>	45.910	45.464
	7644451 - DADT Phòng học thuộc CTKCH Trường Lớp học Mầm Non, Tiểu học	5.520	5.520
	7634514 - Đầu tư phòng học thuộc CTKCH TLH Mầm non, Tiểu học, huyện Mỹ Tú	4.760	4.760
	7652947 - Dự án DT phòng học thuộc CT KCH trường học MN, tiểu học HLP	5.900	5.900
	7652922 - Dự án đầu tư phòng học thuộc chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học huyện Thạnh Trị	4.900	4.900
	7630707 - Đầu tư phòng học thuộc chương trình KCHTLH mầm non, tiểu học MX	5.000	5.000